TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018
"V/v xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Thanh Phượng.
2. Ông Nguyễn Phương Tuấn.
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Năm - Thư ký Tòa án.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm: 1994.

Nơi ĐKNKTT: Đội 2, Thôn Thủy L, xã Quảng L1, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hà L2, xã Quảng L1, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Đội 2, Thôn Thủy L, xã Quảng L1, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 13/7/2018; bản tự khai ngày 22/8/2018 quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn R tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng L1, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như mọi vấn đề khác; vợ chồng thường xuyên gây sự xúc phạm lẫn nhau. Anh R không quan tâm đến gia đình ngoài ra còn chửi mắng, thậm chí còn đánh đập chị, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trầm trọng. Nay, chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh R nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/9/2016. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu T và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2018 quá trình hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn R trình bày: Anh và chị M đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có ai bị ép buộc hay bị lừa dối. Quá trình chung sống vợ chồng hai anh chị có mâu thuẫn về một số vấn đề nhưng hai vợ chồng không ai nhịn ai nên xảy ra cãi vả, anh R hay đi chơi nhậu nhẹt chị M không thích. Ngoài ra, giữa anh chị không có mâu thuẫn gì. Nay, chị M xin ly hôn thì anh R không đồng ý ly hôn với chị M. Anh R yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị trở về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/9/2016. Nếu ly hôn anh R xin được nuôi T và không yêu cầu chị M đóng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, về phía bị đơn anh R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn R. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/9/2016 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành; anh Nguyễn Văn R không phải đóng cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn R vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh R.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn R kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng L1, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04/01/2016, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thời thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như mọi vấn đề khác; vợ chồng thường xuyên gây sự, xúc phạm lẫn nhau, anh R ham chơi không quan tâm đến gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh R không đồng ý ly hôn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh đến phiên tòa nhằm mục đích để anh có điều kiện bảo vệ cho hôn nhân của mình, nhưng anh không đến chứng tỏ anh đã bỏ mặc và không còn quan tâm đến hạnh phúc của chính gia đình mình. Như vậy, tình trạng vợ chồng chị M và anh R đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/9/2016. Cả hai anh chị đều có yêu cầu được nuôi con chung, tuy nhiên hiện nay cháu T đang ở cùng với chị M và cháu dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đặng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn R.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo Tâm, sinh ngày 23/9/2016 cho chị Đặng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Nguyễn Văn R không phải đóng phí tổn nuôi con chung.

2.3. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Đặng Thị M phải chịu án 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị Đặng Thị M đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số AA/2013/002627 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Điền. Chị Đặng Thị M đã nộp đủ.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện Quảng Điền;
-THA.DS huyện Quảng Điền;
-UBND xã Quảng L1;
-Các đương sự .
-Lưu HS;AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trương Cao Sơn